

Bản án số: 13/2024/DS-PT
Ngày: 11/ 01/2024
V/v tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.
- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.
Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Đặng Thị Thanh Trúc-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Trung T; cư trú tại: Thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H, hoạt động tại Văn phòng L1; địa chỉ: B L, phường Đ, thị xã A, thuộc đoàn luật sư tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Võ Q; cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nguyễn Thị H1; cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Văn V - Phó chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện H là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 733/QĐ-UBND ngày 17/11/2020); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch; vắng mặt.

3. Ông Võ N; cư trú tại: Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

4. Bà Võ Thị Kim H2; có mặt.

5. Ông Võ Văn Đ.

6. Bà Trần Thị Đ1.

7. Ông Võ Văn T1.

8. Bà Võ Thị Hồng T2.

Cùng cư trú: Thôn N, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

9. Bà Võ Thị Đ2; cư trú tại: Thành phố B, Đắk Lắk.

10. Bà Võ Thị Thúy P.

11. Ông Võ Văn P1.

12. Bà Võ Thị C.

13. Bà Võ Thị Hồng B.

(Con của ông Võ Q, nhưng ông Q không cung cấp được địa chỉ).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Trung T là nguyên đơn, bà Võ Thị Kim H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Trung T trình bày:

Nguyên cha ông là Võ Đ3, mẹ là Đặng Thị T3. Cha mẹ ông sinh được 04 người con là: Võ Quy, Võ N, Võ Trung T, Võ Thị Kim H2 (SN 1964). Sau năm 1975, cha mẹ ông xây dựng nhà trên thửa đất của gia đình địa chủ bỏ hoang, tại thôn N, A, H. Thời gian sau này các anh, chị em đã lớn có gia đình ở riêng, năm 1990 ông về ở theo phía vợ ở A, H. Năm 1995 mẹ ông chết, năm 1996 cha ông chết (không có di chúc), nhà và thửa đất bỏ hoang không ai sử dụng, năm 1997 UBND huyện H đã cân đối giao QSD thửa đất cho ông Võ Q, thửa đất có số hiệu 386, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m². Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất đó. Ngoài ra ông T còn yêu cầu là: Ông còn một ông bác ruột là Võ M, cũng có 01 thửa đất gần đó, được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 1997, có số hiệu 377 tờ bản đồ 16, diện tích 710m² (300m² đất ở, 410m² đất vườn), ông M có vợ nhưng không có con, vợ ông M chết trước khi ông M được cấp QSDĐ, đến năm 2004 ông M chết không để lại di chúc. Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất của ông M và yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất, giao lại giá trị kỷ phần thừa kế cho cho các

đồng thừa kế khác. Ngày 03/5/2023, ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia thừa kế thừa đất của ông Võ Quy .

Bị đơn ông Võ Quy trình b:

Về quan hệ gia đình ông thông nhất như ông T trình bày. Thời gian cha, mẹ còn sống thì thừa đất đó là đất hoang, cha mẹ ông xây dựng nhà ở chứ không có giấy tờ gì, năm 1990 ông T đã về ở theo phía vợ tại A, H, ông là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ. Sau khi cha, mẹ chết thì đất đó bỏ hoang, ông tận dụng trồng hoa màu, đến năm 1996 thì ông kê khai để được nhà nước cân đối giao quyền theo Nghị định 64/CP, do hộ ông đông nhân khẩu, nên nhà nước đã giao quyền sử dụng diện tích thừa đất màu có số hiệu 386, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m² cho ông, năm 2010 ông làm thủ tục chuyển toàn bộ diện tích đất đó thành đất ở, năm 2012 ông tách thửa cho con ông là Võ Văn Đ 392,5m². Từ thời gian cha, mẹ ông chết cho đến năm 2019 thì không có anh, chị em nào có ý kiến hay tranh chấp gì. Nay ông T yêu cầu chia thừa kế thừa đất đó thì ông không chấp nhận, vì thừa đất đã được nhà nước cân đối giao QSD cho hộ gia đình ông. Đối với thừa đất của bác ruột là Võ M, ông T yêu cầu chia thừa kế thì Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết, kỷ phần của ông thì ông không nhận, bà Nguyễn Thị H1 là cháu gọi ông M bằng cậu ruột, cũng là đồng thừa kế, nên ông tự nguyện giao kỷ phần của ông cho bà H3 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà gọi ông Võ M là cậu ruột, gọi ông T, ông Q là anh con cậu ruột. Năm 2005, ông Võ Trung T có bán thừa đất và ngôi nhà của ông Võ M cho bà (ngôi nhà gỗ, lợp tranh đã hư hỏng), bà có yêu cầu độc lập để toà án xem xét công nhận QSDĐ cho bà, nhưng bà không có đủ tài liệu để chứng minh, nên bà rút yêu cầu. Nay bà yêu cầu được chia một phần di sản của ông Võ M, bà chấp nhận việc ông Võ Q giao kỷ phần của ông Q cho bà nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện H và UBND xã A trình bày:

Năm 1997 nhà nước cân đối giao QSDĐ cho ông Võ M theo Nghị định 64/CP, giao cho ông M 01 thửa ruộng và thửa đất số hiệu 377 tờ bản đồ số 16, diện tích 710m² (300m² đất ở, 410m² đất vườn), nay ông T yêu cầu thẩm định với diện tích đất trên 3.000m² là không đúng, vì phần đất rừng phía trên là đất do nhà nước quản lý, chưa giao QSD cho người nào, cũng không thuộc trong thửa đất của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ N trình bày:

Thửa đất tranh chấp trước đây do cha mẹ ông sử dụng, chưa có giấy tờ gì, sau khi cha mẹ ông chết thì bỏ hoang, không ai sử dụng, đến năm 1997 nhà nước cân đối giao quyền cho ông Võ Q, ông Q sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp. Đối với thừa đất của ông Võ M, ông T yêu cầu chia thừa kế thì tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết, ông cũng là người đồng hàng thừa kế nhưng ông từ chối nhận di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim H2 trình bày:

Thửa đất tranh chấp chia thừa kế trước đây do cha mẹ bà sử dụng, sau khi cha mẹ bà chết thì bỏ hoang, không ai sử dụng. Việc ông Võ Q làm thủ tục để được cấp sổ như thế nào thì bà không biết, vì từ ngày cha chết thì bà không đi về. Đối với thửa đất của ông Võ M thì bà không có yêu cầu gì, Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết theo yêu cầu của ông T chứ bà không nhận thừa kế, kỷ phần của bà thì giao cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ1 trình bày:

Thửa đất ông T yêu cầu chia thừa kế là đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ vợ chồng bà, vợ chồng bà sử dụng ổn định lâu dài không có ai tranh chấp. Do vậy bà khẳng định vợ chồng bà sử dụng đất hợp pháp, bà không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc chia thừa kế đất của hộ ông Võ Quy .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày:

Thửa đất ông T tranh chấp là đất nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình ông, do cha ông là Võ Q đứng tên, năm 2012 cha ông làm thủ tục cho ông 392,5m² và đã được cấp giấy chứng nhận. Nay ông không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc chia thừa kế đất của hộ ông Võ Quy .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ2 trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông Võ Q, thửa đất ông T tranh chấp là đất nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình bà, do cha bà là Võ Q đứng tên, gia đình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp. Nay bà không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc chia thừa kế đất của hộ ông Võ Quy .

Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Giao thừa đất có số hiệu 377 tờ bản đồ số 16 có diện tích là 710m² (400m² đất ở, 310m² đất vườn) tại thôn N, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; theo giấy chứng nhận QSDĐ số L 251311 ngày 18/11/1997, do UBND huyện H cấp cho cụ Võ M, và tài sản trên đất gồm 07 cây dừa già cỗi, 01 cây mít đường kính 30cm; là di sản của cụ Võ M; cho ông Võ Trung T được quyền sở hữu, sử dụng. Ông Võ Trung T được quyền sở hữu toàn bộ số cây keo do bà H3 trồng trên diện tích 710m² đất của cụ M. Ông Võ Trung T có trách nhiệm thối lại 2,5 kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị H4 là 32.785.000đ. Ông Võ trung T4 thối lại cho bà Nguyễn Thị H4 4.970.000đ, về giá trị số cây keo có trên diện tích đất. Ông Võ Trung T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký QSDĐ theo quy định (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Võ Trung T đối với thửa đất số hiệu 386 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m² được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Võ Q (ông T rút yêu cầu). Đình chỉ yêu cầu độc

lập của bà Nguyễn Thị H4, về việc công nhận QSDĐ tại thửa số 377, tờ bản đồ số 16, UBND huyện H cấp cho ông Võ M (bà H4 rút yêu cầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 07 năm 2023, ông Võ Trung T và bà Võ Thị Kim H2 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân.

Luật sư Nguyễn Thanh H trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Trung T: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của ông Võ Trung T hủy bản án sơ thẩm,

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Võ Trung T, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Võ Trung T, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như sau:

[1.1] Thứ nhất: Ngày 12 tháng 07 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Kim H2, sinh năm 1964 kháng cáo, mặc dù trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện bà H2 thuộc đối tượng được miễn, giảm nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, theo quy định của Nghị quyết Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục để bà H2 nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, mà vẫn ra thông báo kháng cáo và chuyển hồ sơ vụ án lên cấp phúc thẩm giải quyết, dẫn đến cấp phúc thẩm không có căn cứ xét kháng cáo của bà H2, làm mất đi quyền kháng cáo của bà H2.

[1.2] Thứ hai: Trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện mẹ bà Nguyễn Thị H1 họ tên là gì, sinh, mất vào thời gian nào, trong khi ông Võ Trung T và bà Võ Thị Kim H2 luôn khẳng định ông bà nội của họ là cụ Võ T5 và cụ Nguyễn Thị Đ4 không có con riêng và mẹ bà H1 không phải là con của vợ chồng cụ T5, cụ Đ4, nhưng cấp sơ thẩm không xác minh thu thập chứng cứ về nhân thân của bà H1, cha mẹ bà H1 mà chỉ căn cứ vào lời khai của bà H1 và một số người nhỏ tuổi hơn bà H1 như bà Võ Thị V1, bà Nguyễn Thị Đ5 và bản xác minh tại UBND xã A để xác định bà mẹ bà H1 là con của vợ chồng cụ T5, cụ Đ4 và cho bà H1 được nhận di sản thừa kế của ông Võ M là chưa có đủ cơ sở vững chắc. Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị H1 khai có một người em ruột là ông Võ S, cấp sơ thẩm cho bà H1 hưởng thừa kế của vợ chồng ông M, bà T6, nhưng không đưa ông Võ S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là bỏ sót người tham gia tố tụng, làm

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như làm mất đi quyền kháng cáo của ông S.

[1.3] Thứ ba: Ông Võ M chết tháng 3/2004, vợ ông M là bà Phan Thị T7 chết tháng 01/2004, cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông M, bà T7 không có con chung, con riêng và cho cháu ruột của ông M được hưởng thừa kế của vợ chồng ông M, nhưng lại không xác minh, thu thập chứng cứ về những người được thừa kế di sản của bà T7, cũng như về cha và anh em ruột của bà H1 để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cho họ được hưởng thừa kế của vợ chồng ông M, bà T7 là xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Hơn nữa, trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa phúc thẩm đều thể hiện ông Võ M có 01 người con riêng (đã chết) và 03 người cháu ngoại, nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ, làm rõ về vấn đề này để xác định về hàng thừa kế, người được hưởng thừa kế của ông M, là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người ở hàng thừa kế thứ hai của ông M, trong khi các ông, bà Võ Q, Võ N, Võ Trung T, Võ Thị Kim H2 là những người ở hàng thừa kế thứ ba của ông M.

[1.4] Thứ tư, cấp sơ thẩm không lập Biên bản định giá tài sản, mà lập Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lại có thể hiện nội dung về định giá đất và tài sản trên đất nên cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và thủ tục định giá tài sản được quy định tại các Điều 101, 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Võ Trung T là có căn cứ nên được chấp nhận. Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án, ông Võ Trung T được M1 án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi. Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của luật sư Nguyễn Thanh H là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Trung T. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Trung T được miễn nộp.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:
THẨM**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Hoài Ân;
- CCTHADS huyện Hoài Ân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà Nguyễn Văn Hiệp

Võ Công Phương

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ trung Thông, bà Nguyễn Thị Hưỡn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông Thông được hoàn trả 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005765 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

4. Về chi phí thẩm định:

- Đối với thẩm định ngày 26/5/2020: Chi phí thẩm định thửa đất số hiệu 386 của ông Võ Quy là 3.377.195, ông Võ Trung Thông phải chịu (ông Thông đã nộp chi phí xong). Đối với chi phí thẩm định thửa đất của cụ Võ mạnh là 4.538.805đ, ông Thông đã nộp (chi phí xong), bà Nguyễn Thị Hưỡn phải giao lại cho ông Thông 2.269.402.

- Đối với chi phí thẩm định lại ngày 05/01/2023, ông Võ Trung Thông phải chịu, ông Thông đã nộp 6.000.000đ (chi phí xong).

NHẬN ĐỊNH CỦA CẤP SƠ THẨM

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, lời khai của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Năm 1997, UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Quy, trong đó có thửa đất màu số hiệu 386 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m² được UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình ông Võ Quy từ năm 1997; giấy chứng nhận QSDĐ số L 251356 ngày 25/12/1997, sổ vào sổ cấp GCN: CH01115, đăng ký vào sổ địa chính tại trang 162; ông Võ Trung Thông cho rằng là di sản của cha mẹ ông để lại. Ông Võ Mạnh là bác ruột của ông Thông và ông Quy cũng được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại thửa đất số 377 tờ bản đồ số 16, diện tích 710m², theo giấy chứng nhận QSDĐ số L 251311 ngày 18/11/1997; cha mẹ ông Thông và ông Mạnh chết không để lại di chúc. Năm 2019, ông Võ Trung Thông có đơn khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất này. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Võ Quy có hộ khẩu thường trú tại xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật TTDS; những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX tiến hành xét vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật TTDS 2015.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về chia thừa kế thửa đất màu số hiệu 386 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m², được UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình ông Võ Quy từ năm 1997; giấy chứng nhận QSDĐ số L251356 ngày 25/12/1997, sổ vào sổ cấp GCN: CH01115, đăng ký vào sổ địa chính tại trang 162; nguyên đơn ông Võ Trung Thông có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số hiệu 386, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì; nên HĐXX đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn và xem xét yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Võ Mạnh.

[3] Xét quan hệ huyết thống và xác định người thừa kế theo pháp đối với di sản của cụ Võ Mạnh:

Cụ Võ Đình và cụ Đặng Thị Thâm sinh ra 04 người con: Võ Quy (sn 1950), Võ Noi (sn 1952), Võ Trung Thông (sn 1957) Võ Thị Kim Hường (sn 1964); năm 1995 cụ Thâm chết, năm 1996 cụ Đình chết, hai cụ chết không để lại di

chúc. Cụ Võ Mạnh là anh ruột của cụ Võ Đình, cụ Mạnh có vợ là Phan Thị Tính nhưng không có con chung (hai cụ cũng không có con riêng); cụ Tính chết tháng 01/2004, cụ Mạnh chết tháng 3/2004, không để lại di chúc. Ông, bà nội ngoại; cha, mẹ, anh chị, em ruột của cụ Mạnh chết trước cụ Mạnh; còn lại các cháu gồm ông Quy, ông Noi, ông Thông bà Hương gọi ông Mạnh bằng bác ruột; bà Hườn gọi ông Mạnh bằng cậu ruột. Do vậy ông Thông, ông Quy, ông Noi, bà Hườn là hàng thừa kế thứ ba đối với di sản do cụ Mạnh.

[4] Xét di sản và việc chia di sản của cụ Võ Mạnh:

[4.1] Thửa đất số hiệu 377 tờ bản đồ số 16 diện tích 710m² (400m² đất ở, 310m² đất vườn) là đất của ông bà cho cụ Mạnh sử dụng, năm 1997 nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ Võ Mạnh. Theo các bên trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì ông Võ Mạnh có vợ nhưng không có con chung, không có con riêng; ông Mạnh sử dụng thửa đất đó xây dựng nhà ở, sau khi vợ chồng cụ Mạnh chết thì thửa đất bỏ hoang (hai cụ không để lại di chúc). Do vậy thửa đất số hiệu 377 tờ bản đồ số 16 diện tích 710m² là di sản của vợ chồng cụ Mạnh để lại, nên được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

[4.2] Ông Võ Trung Thông khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Mạnh theo pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế, nên có cơ sở để chấp nhận. Người thừa kế di sản của cụ Mạnh chỉ còn hàng thừa kế thứ ba gồm 05 người: Ông Võ Quy, ông Võ Noi, ông Võ Trung Thông, bà Võ Thị Kim Hương (những người này gọi ông Mạnh là bác ruột), bà Nguyễn Thị Hườn (gọi ông Mạnh là cậu ruột). Đối với các đồng thừa kế, thì ông Võ Quy từ chối nhận di sản và giao kỷ phần của ông cho bà Nguyễn Thị Hườn; bà Võ Thị Kim Hương từ chối nhận di sản và giao kỷ phần của bà cho ông Võ Trung Thông; việc từ chối nhận di sản của ông Quy, bà Hương là tự nguyện, nên xem xét chấp nhận theo yêu cầu của ông Quy và bà Hương. Ông Võ Noi từ chối không nhận di sản, nhưng không có ý kiến giao cho người nào, do vậy cần xem xét chia kỷ phần của ông Võ Noi cho các đồng thừa kế được hưởng.

[4.3] Xét trong thời gian vợ chồng cụ Võ Mạnh còn sống, già yếu thì ông Thông là người chăm sóc, vợ chồng cụ Mạnh chết thì ông Thông lo mai táng, thờ cúng, đồng thời ông Võ Quy, ông Võ Noi, bà Võ Thị Hương từ chối nhận di sản; do đó cần xem xét giao thửa đất đó cho ông Thông sử dụng để làm nơi thờ tự vợ chồng cụ Mạnh là hợp lý; ông Thông thối lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế là phù hợp. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 26/5/2020, xác định thửa đất số hiệu 377 có vị trí 2 hạng 5, đất thuộc khu vực 6 (xã miền núi); HĐĐG căn cứ quyết định số 65/2019/QĐ-UBND, ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định và tham khảo giá thị trường cùng khu vực tại địa phương, đất vườn có giá 22.000đ/m², đất ở có giá 130.000đ/m², nên giá trị thửa đất là: (400m² đất ở x 130.000đ/m²) + (310m² đất vườn x 22.000đ/m²) = 58.820.000đ. Đối với cây lưu niên HĐĐG căn cứ quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh Bình Định, thì giá trị là: 07 cây dừa x 900.000đ/cây = 6.300.000đ; 01 cây mít có giá 450.000đ; tổng giá trị di sản của cụ Mạnh để lại là 65.570.000đ. Hiện tại có 05 người cùng hàng thừa

kế, nên giá trị mỗi kỷ phần là $65.570.000đ : 5 = 13.114.000đ$; do đó ông Võ Trung Thông phải thối lại cho 04 đồng thừa kế theo giá trị mỗi kỷ phần.

[4.4] Trong 05 đồng thừa kế thì ông Võ Quy từ chối nhận và đồng ý giao lại kỷ phần của mình cho bà Hưỡn được hưởng; bà Hưỡn từ chối nhận và đồng ý giao lại kỷ phần của mình cho ông Thông được hưởng; ông Võ Nơ từ chối nhận, nhưng không thống nhất giao cho người nào, tại phiên tòa ông Nơ cũng vắng mặt, nên cần chia đều cho các đồng thừa kế có yêu cầu là bà Hưỡn và ông Thông. Do đó phần ông Thông được hưởng là 2,5 kỷ phần, bà Hưỡn được hưởng 2,5 kỷ phần, theo giá trị là $13.114.000 \times 2,5 = 32.785.000đ$. Ông Thông là người được giao quản lý, sử dụng thửa đất của ông Mạnh, nên phải thối lại cho bà Hưỡn 32.785.000đ.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của bà Hưỡn: Bà Hưỡn có đơn rút yêu cầu độc lập, nên HĐXX đình chỉ. Đối với diện tích đất 601m² (liền kề với thửa đất số hiệu 377), bà Hưỡn đang trồng keo, là đất của UBND xã Ân Nghĩa quản lý; UBND xã Ân Nghĩa không có ý kiến, yêu cầu gì, nên không xem xét.

[6] Đối với yêu cầu bổ của ông Thông, về diện tích đất của cụ Võ mạnh: Ông Thông cho rằng diện tích đất của cụ Võ Mạnh sử dụng trên 3.000m², nhưng UBND huyện Hoài Ân cấp cho ông Mạnh chỉ 710m². Qua thẩm định, đo đạc lại theo mốc giới ông Thông xác định, thì diện tích thẩm định tăng thêm là 2.300m²; trong quá trình làm việc, ông Thông chỉ cung cấp 01 trích lục từ thời Đại nam Trung kỳ chính phủ, không rõ tên của người nào, ông Thông yêu cầu công nhận diện tích này cho ông Mạnh là không có cơ sở, vì tại thời điểm cân đối giao QSDĐ năm 1997, ông Mạnh chỉ kê khai diện tích 710m² đất ở và đất vườn, nên nhà nước đã giao QSD cho ông Mạnh đối với diện tích đất có trong giấy chứng nhận. Di sản của cụ Mạnh để lại chỉ thể hiện trong giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho cụ Mạnh là 710m² đất, nên không liên quan gì đến diện tích đất ông Thông yêu cầu đo đạc bổ sung, vì đây là đất thuộc quyền quản lý của nhà nước; do vậy không thể chấp nhận diện tích đo đạc bổ sung của ông Thông; HĐXX chỉ căn cứ vào diện tích đất được cấp cho ông Võ Mạnh theo giấy chứng nhận để xác định di sản chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với tài sản trên thửa đất: Theo biên bản thẩm định và định giá tài sản, thì trên thửa đất của ông Võ Mạnh, bà Hưỡn đang trồng keo đã hơn 2 năm tuổi, qua thẩm định thì số cây keo bà Hưỡn trồng trên diện tích 1.294,3m² là 647 cây; trong đó trồng trên diện tích đất của ông Mạnh là 710m², nên số cây trên đất ông Mạnh là $710m^2 \times 0,5m^2/cây = 355$ cây. Hội đồng định giá căn cứ bảng giá của UBND tỉnh Bình Định quy định thì keo từ 02 năm tuổi có giá là 14.000đ/cây, giá trị là $355 \text{ cây} \times 14.000đ/cây = 4.970.000đ$. Số cây này đang phát triển bình thường, gần đến thời điểm khai thác, do vậy cần giao toàn bộ số cây keo có trên diện tích đất của ông Võ Mạnh cho ông Võ Trung Thông được quyền sở hữu, ông Thông thối lại cho bà Hưỡn 4.970.000đ là phù hợp.

[8] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí thẩm định thửa đất của ông Võ Quy là 3.337.195; thẩm định lại thửa đất của cụ Võ Mạnh 6.000.000đ, ông Võ Trung Thông phải chịu (đã nộp, chi phí xong). Đối với chi phí thẩm

định thừa đất của cụ Võ Mạnh, ông Thông đã nộp 4.538.805, bà Nguyễn Thị Hưỡn phải giao lại cho ông Thông 2.269.402.

[9] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn: Theo tài liệu, chứng cứ được thu thập, lời khai của bị đơn là ông Võ Quy và một số người liên quan khác; đồng thời UBND xã Ân Nghĩa và chính quyền thôn Nhon Sơn, xã Ân Nghĩa đều xác định bà Nguyễn Thị Hưỡn là cháu gọi ông Võ Mạnh bằng cậu ruột, vì mẹ của bà Hưỡn là em ruột ông Võ Mạnh, ông Võ Đỉnh; do vậy bà Hưỡn là người thuộc hàng thừa kế thứ 3 với ông Thông; nên Luật sư yêu cầu không chấp nhận việc cho bà Hưỡn được hưởng di sản của ông Võ Mạnh là không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện Hoài Ân. phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[11] Về án phí : Ông Võ Trung Thông, bà Nguyễn Thị Hưỡn là người già nên được miễn án phí theo qui nòng tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì càu lờ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của bộ luật TTDĐ 2015, Điều 4 Luật đất đai 2013; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, điểm c khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xâu:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Giao thừa đất có số hiệu 377 tờ bản đồ số 16 có diện tích là 710m² (400m² đất ở, 310m² đất vườn) tại thôn Nhon Sơn, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; theo giấy chứng nhận QSDĐ số L 251311 ngày 18/11/1997, do UBND huyện Hoài Ân cấp cho cụ Võ Mạnh, và tài sản trên đất gồm 07 cây dừa già còi, 01 cây mít đường kính 30cm; là di sản của cụ Võ Mạnh; cho ông Võ Trung Thông được quyền sở hữu, sử dụng. Ông Võ Trung Thông được quyền sở hữu toàn bộ số cây keo do bà Hưỡn trồng trên diện tích 710m² đất của cụ Mạnh. Ông Võ Trung Thông có trách nhiệm thối lại 2,5 kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Hưỡn là 32.785.000đ. Ông Võ trung Thông thối lại cho bà Nguyễn Thị Hưỡn 4.970.000đ, về giá trị số cây keo có trên diện tích đất. Ông Võ Trung Thông có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký QSDĐ theo quy định (có sơ đồ thừa đất kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Võ Trung Thông đối với thừa đất số hiệu 386 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.400m² được UBND huyện Hoài Ân cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Võ Quy (ông Thông tút yêu cầu). Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hưỡn, về việc công nhận QSDĐ tại

thửa số 377, tờ bản đồ số 16, UBND huyện Hoài Ân cấp cho ông Võ Mạnh (bà Hưỡn rút yêu cầu).

2. Nghĩa vụ thi hành án:

Keà tờ ngaoỷ người được thi hành án coừ ãn yeâu caàu, neáu ngồoời phaừi thi haỏnh àn chậm thi hành, thì haỏng thaừng coừn phaừi chịu laỏi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ trung Thông, bà Nguyễn Thị Hưỡn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông Thông được hoàn trả 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005765 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

4. Về chi phí thẩm định:

- Đối với thẩm định ngày 26/5/2020: Chi phí thẩm định thửa đất số hiệu 386 của ông Võ Quy là 3.377.195, ông Võ Trung Thông phải chịu (ông Thông đã nộp chi phí xong). Đối với chi phí thẩm định thửa đất của cụ Võ mạnh là 4.538.805đ, ông Thông đã nộp (chi phí xong), bà Nguyễn Thị Hưỡn phải giao lại cho ông Thông 2.269.402.

- Đối với chi phí thẩm định lại ngày 05/01/2023, ông Võ Trung Thông phải chịu, ông Thông đã nộp 6.000.000đ (chi phí xong).